

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/4/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; xác định không phải con của cha”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Dương Thị Nga;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Bé

Bà Hoàng Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Văn Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; xác định không phải con của cha”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T; sinh năm: 1978; địa chỉ: khu C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Bị đơn: anh Vũ Đình B; sinh năm: 1974; địa chỉ: khu C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh B kết hôn là tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y (nay là thị xã Q), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn chị và anh B chung sống tại khu C, thị trấn C, huyện V. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2020 luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân trong thời gian anh B đi làm ngoài biển thường xuyên vắng nhà do nhẹ dạ nên chị T có thai và sinh con thứ tư không phải con của anh B, tuy chị và anh B đã hòa giải, anh B tha thứ và chấp nhận để vợ chồng tiếp tục chung sống hạnh phúc cùng nhau

nuôi dạy các con nhưng sau đó anh B không thực hiện được sự thỏa thuận của vợ chồng mà vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và từ năm 2020 cho đến nay chị T và anh B sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đình B.

Về con chung: chị T và anh B có ba con chung: Vũ Đình H - sinh năm 1999, Vũ Hải Đ - sinh năm 2003 và Vũ Thị Yến C - sinh ngày 30/6/2010. Sau khi ly hôn giao con Yến C cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung; con H và con Đ đã thành niên, sức khỏe tốt nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con Vũ Anh T - sinh ngày 26/10/2018, không phải là con chung của chị T và anh B nên chị T đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh B xác định con Vũ Anh T không phải là con của anh B, sau khi ly hôn chị T sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng con T cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản, vay nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Vũ Đình B trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm ý kiến và yêu cầu phản tố:***

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn và quá trình chung sống phù hợp như chị T trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B theo tàu đi làm ngoài biển xa nhà, chị T ở nhà đã không chung thủy với anh B có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác sinh con thứ tư là Vũ Anh T không phải con của anh B, tuy nhiên anh B đã bỏ qua và tha thứ để vợ chồng tiếp tục chung sống nuôi dạy các con nhưng chị T vẫn không chung thủy với anh B nên từ cuối năm 2020 đến nay anh, chị luôn xảy ra mâu thuẫn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh, anh B đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

Về con chung: anh B và chị T có ba con chung: Vũ Đình H - sinh năm 1999, Vũ Hải Đ - sinh năm 2003 và Vũ Thị Yến C - sinh ngày 30/6/2010. Sau khi ly hôn anh B đồng ý quan điểm của chị T, anh B trực tiếp nuôi dưỡng con Yến C cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung; con H và con Đ đã thành niên, sức khỏe tốt nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B yêu cầu phản tố: con Vũ Anh T - sinh ngày 26/10/2018, không phải là con chung của anh và chị T, đề nghị Tòa án xác định con Vũ Anh T không phải là con của anh B.

Về tài sản, vay nợ chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại Giấy xác nhận vụ án Hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên ngày 23/02/2024 của khu C, thị trấn C, huyện V có nội dung: từ năm 2020 chị T, anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh B ghen tuông, nghi ngờ chị T sống không chung thủy. Chị T, anh B có 4 con chung đang ở cùng bố mẹ tại khu C, thị trấn C, huyện V, tên, ngày tháng năm sinh của các con như chị T, anh B trình bày là đúng.***

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm: Thâm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy***

định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 88; khoản 2 Điều 89, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh B; chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh B về nuôi con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn xác định con Vũ Anh T - sinh ngày 26/10/2018, không phải là con của anh Vũ Đình B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu xin ly hôn bị đơn anh Vũ Đình B cư trú trên địa bàn huyện V; bị đơn anh Vũ Đình B có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án xác định cháu Vũ Anh T - sinh ngày 26/10/2018, không phải là con của anh B nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 88; khoản 2 Điều 89, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử và xin phép vắng mặt tại phiên Tòa, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**[2] Về Quan hệ hôn nhân:** chị T và anh B kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y (nay là thị xã Q), tỉnh Quảng Ninh là tự nguyện, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn chị T, anh B về chung sống tại khu C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, Đến năm 2020 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B làm nghề theo tàu ra khơi thường xuyên vắng nhà, chị T ở nhà không chung thủy với anh B, đến ngày 26/10/2018 chị T sinh con Vũ Anh T, cuối năm 2020 anh B nghi ngờ con T không phải con của anh B, chị T thừa nhận với anh B con T không phải là con chung của chị T và anh B, mặc dù anh B đã tha thứ chấp nhận cùng chị T đoàn tụ để nuôi dạy các con, tuy nhiên mâu thuẫn vẫn diễn ra và kéo dài, chị T, anh B không đoàn tụ được, chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh B, anh B đồng ý yêu cầu của chị T và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy lời khai của chị T, anh B phù hợp với ý kiến của khu C, thị trấn C, huyện V nơi chị T và anh B chung sống, nhận xét: từ năm 2020 chị T, anh B xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh B thường xuyên ghen tuông, nghi ngờ chị T sống không chung thủy.

Như vậy, mâu thuẫn về việc chị T sống không chung thủy với anh B đã kéo dài từ năm 2020 cho đến nay, hai vợ chồng đã khắc phục mâu thuẫn để cùng nhau nuôi dạy các con, tuy nhiên không khắc phục được nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã lâm vào mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T và anh B đều yêu

cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn như vậy nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận tự nguyện ly hôn phù hợp quy định tại Điều 55 luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3] Về con chung:** chị T và anh B đều thống nhất có ba con chung: Vũ Đình H - sinh năm 1999, Vũ Hải Đ - sinh năm 2003 và Vũ Thị Yến C - sinh ngày 30/6/2010. Chị T, anh B đều thỏa thuận sau khi ly hôn giao con Yến C cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; con H và con Đ đã thành niên, sức khỏe tốt nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy anh B có nghề nghiệp đánh bắt hải sản và có thu nhập ổn định nên chấp nhận thỏa thuận nuôi con của chị T, anh B, giao con Vũ Thị Yến C - sinh ngày 30/6/2010 cho anh B nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp tại các Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**[4] Về tài sản, vay nợ chung:** chị T, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

**[5] Về yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị Tòa án xác định con Vũ Anh T không phải là con của anh Vũ Đình B:**

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án chị T và anh B đều trình bày cháu Vũ Anh T không phải là con chung của chị T và anh B, mà là con riêng của chị T, trong thời gian anh B đi tàu làm trên biển xa nhiều ngày, chị T đã có tình cảm và quan hệ với người đàn ông khác nên ngày 26/10/2018, chị T sinh con Vũ Anh T.

Tại phiếu kết quả phân tích ADN số 24236 IG/DNA ngày 29/02/2024 của Công ty TNHH đầu tư và công nghệ GENPLUS, kết luận: Vũ Đình B không có quan hệ huyết thống Bố - con với Vũ Anh T.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Đình B: xác định cháu Vũ Anh T không phải là con đẻ của anh Vũ Đình B là phù hợp với khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình.

**[5] Về án phí:** theo quy định của pháp luật chị T và anh B mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên chấp nhận. Yêu cầu phản tố của anh B được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm yêu cầu phản tố, tuy nhiên do anh B tự nguyện chịu toàn bộ án phí yêu cầu phản tố nên Tòa án chấp nhận đề nghị của anh B.

**[6] Về chi phí giám định:** anh B không thừa nhận cháu Vũ Anh T là con của mình, tự thu thập tài liệu chứng cứ kết quả giám định ADN cung cấp cho Tòa án và đã tự chi trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1, khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều

81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đình B.
- Về con chung: chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị và anh Vũ Đình B: giao cháu Vũ Thị Yến C - sinh ngày 30/6/2010, cho anh Vũ Đình B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Vũ Đình B không được cản trở chị Nguyễn Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Đình B: xác định cháu Vũ Anh T, sinh ngày 26/10/2018, không phải là con đẻ của anh Vũ Đình B.

- Về án phí:

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng, số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004092 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại chị Nguyễn Thị T 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Đình B nộp toàn bộ án phí yêu cầu phản tố xác định không phải con của cha 300.000 đồng, số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Đình B đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004105 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Quảng Ninh, anh Vũ Đình B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh;
- UBND thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**Dương Thị Nga**